

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Xuân Q - Trưởng phòng nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục THADS tỉnh Phú Thọ (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Vợ chồng ông Dương Hữu P, sinh năm 1938, bà Đặng Thị T1, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (đều có mặt).

- Anh Dương Thanh T, sinh năm 1965 và chị Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI D1 VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và những bản khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là anh Hồ Văn P trình bày:***

Tại Quyết định số 80/2011/QĐST-DS ngày 20/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố VT buộc anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 340.00.000 đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2011/DS-ST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố VT buộc anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 phải trả cho anh Hồ Văn Đ1 số tiền 255.873.750 đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh T và chị D1 không trả tiền nên bà L, anh Đ1 đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với các quyết định nêu trên. Trong quá trình giải quyết thi hành án, ngày 14/12/2010, Chi cục THADS thành phố VT có Văn bản số 186/CV-THA về việc cấm chuyển dịch tài sản và ngày 18/8/2011, Chi cục THADS thành phố VT lại có Văn bản số 452/CV-THA về việc không cho chuyển dịch một số tài sản của vợ chồng chị Nguyễn Thị Kiều D1, anh Dương Thanh T trong đó có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² tại Tổ 20B, Khu 17 phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ mang tên chị Nguyễn Thị Kiều D1, anh Dương Thanh T.

Tuy nhiên, hiện nay thửa đất trên đã được chuyển sang tên cho bố mẹ anh T, chị D1 là ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 trong khi thửa đất này đang bị Chi cục THADS thành phố VT cấm chuyển dịch để đảm bảo thi hành án. Như vậy, việc làm thủ tục chuyển nhượng và việc UBND thành phố VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, anh Đ1.

Người khởi kiện đề nghị hủy bỏ GCNQSDĐ số BL 617829 mang tên ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 do UBND thành phố VT cấp ngày 12/12/2012.

**** Người bị kiện trình bày:***

Ngày 03/10/2012, UBND thành phố VT nhận được hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Dương Hữu P và vợ là Đặng Thị T1 trú tại khu 17, phường GC, thành phố VT đối với thửa đất số 57; tờ bản đồ số 27; diện tích 103,4 m² đất ở; địa chỉ đất tại tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT; nguồn gốc thừa

đất: Nhận tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất từ anh Dương Thanh T và vợ là Nguyễn Thị Kiều D1, hồ sơ gồm có:

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Văn phòng công chứng thành phố VT công chứng số 117/2012/HĐTA, quyền số 03.1TP/CC - SCC/HĐGD ngày 12/9/2012.

+ GCNQSDĐ số AB 798945 (bản gốc) đã cấp cho anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 tại thửa đất số 57; tờ bản đồ số 27; diện tích 103,4 m² đất ở thuộc tổ 20B, khu 17, phường GC.

+ Đơn xin cấp GCNQSDĐ do ông Dương Hữu P kê khai ngày 12/9/2012 đã được UBND phường GC xác nhận ngày 28/9/2012. Thửa đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

+ Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; trích lục bản đồ; hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 25/9/2012 có xác nhận của UBND phường GC, thành phố VT ngày 28/9/2012.

Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì thành phần hồ sơ như trên đã đầy đủ theo quy định.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối chiếu theo quy định của pháp luật thấy việc chuyển quyền sử dụng đất giữa anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 với ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Do đó, ngày 15/10/2012, UBND thành phố VT đã phê duyệt kết quả thẩm định hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Dương Hữu P và vợ là bà Đặng Thị T1 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² đất ở tại tổ 20B, khu 17, phường GC.

Sau khi hộ ông Dương Hữu P hoàn thành việc kê khai lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân; ngày 12/12/2012, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 12007/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ số BL 617829 cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1, tại thửa đất số 57 thuộc tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² đất ở thuộc khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 16/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành thông báo số 14/2017/TLST-HC về việc thụ lý vụ án hành chính “*kiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 617829 đã cấp cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1*”. UBND thành phố VT kiểm tra lại các công văn đến lưu tại UBND Thành phố thấy: Ngày 26/8/2011, UBND thành phố nhận được Công văn số 452/CV-THA ngày 18/8/2011 của Chi cục THADS thành phố VT về việc không cho chuyển dịch tài sản (*Trong đó có thửa đất số 57 thuộc tờ bản đồ số 27, diện tích: 103,4 m² đất ở; địa chỉ đất: Tổ 20B, khu 17, phường GC*). Tại mục nơi gửi ghi là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT.

Tại bản án số 02/2018/HCST ngày 24/01/2018 về việc “*kiếu kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thừa nhận việc đổi nhà đất giữa ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 với con trai và con dâu là anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 từ ngày 18/01/2008,

ông P bà T1 đã sử dụng đất và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính (nộp thuế sử dụng đất từ năm 2008) nhưng do GCNQSDĐ của thửa đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thanh Miếu nên không thể hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2012, sau khi ngân hàng bán đấu giá tài sản thế chấp mà ông P bà T1 đổi cho con trai và con dâu là anh chị T - D1 đã bàn giao cho Chi cục THADS thành phố VT số tiền đảm bảo thi hành án là 400.000.000 đ và giao trả GCNQSDĐ cho anh T chị D1. Việc UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2019, ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 có đơn đề nghị hợp thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² đất ở với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 27, diện tích 306 m² (đất ở 146,3 m², đất vườn 159,9 m²) đồng thời tách thành 03 thửa đứng tên ông Dương Hữu P và đã được UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử bác toàn bộ nội D1 khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; Giữ nguyên GCNQSDĐ đã cấp như bản án số 02/2018/HCST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Dương Hữu P, bà Đặng Thị T1, anh Dương Thanh T trình bày:

Việc ông P và bà T1 đổi nơi ở, đổi tài sản là 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất với con trai và con dâu là anh T và chị D1 là việc làm chính đáng không bị ngăn cấm, cản trở. Việc làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ được thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Việc Chi cục THADS thành phố VT ra Quyết định số 61/QĐ-THA ngày 11/8/2011 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và Văn bản số 452/CV-THA ngày 18/8/2011 về việc không cho chuyển dịch tài sản đối với quyền sử dụng đất của anh T, chị D1 trong đó có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m². Về thực tế, căn hộ 12B, địa chỉ: Tổ 20B, tổ 17, phường GC, thành phố VT không phải là của anh T, chị D1 mà là của vợ chồng ông P quản lý sử dụng từ năm 2008.

Về mặt pháp lý, tài sản này của anh T, chị D1 đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh Miếu để vay vốn, vì vậy chỉ có đơn vị nhận thế chấp và cho vay vốn là ngân hàng mới có quyền phát mại tài sản thế chấp khi không trả được nợ. Chi cục THADS thành phố VT không có quyền cưỡng chế, tạm dừng không cho chuyển nhượng, kê biên quyền sử dụng thửa đất này. Bởi vậy Quyết định số 61 và Văn bản số 452 của Chi cục THADS thành phố VT không có hiệu lực pháp lý. Việc UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ số BL617829 cho vợ chồng ông là đúng. Thửa đất số BL 617829 ông được UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ là thửa đất duy nhất ông đang sống và thờ tự mẹ ông “Mẹ Việt Nam anh hùng” ông không biết và không có quan hệ kinh tế vay mượn gì với ông Đ1, bà L. Ông Đ1, bà L khởi kiện UBND thành phố VT là không có căn cứ pháp luật.

Việc bố con ông đổi nơi ở, đổi tài sản cho nhau đã làm đủ thủ tục, đúng pháp luật nên việc ông Đ1, bà L đề nghị hủy GCNQSDĐ của vợ chồng ông thì ông không đồng ý. Ông đề nghị các cấp có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích cho gia đình ông.

- Đại diện của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ trình bày:

Quá trình giải quyết thi hành án thấy vụ việc có tính chất phức tạp nên Cục THADS tỉnh Phú Thọ đã rút hồ sơ lên đề giải quyết nên người tham gia tố tụng là Cục THADS tỉnh Phú Thọ.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ hủy GCNQSDĐ số BL 617829 mang tên ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 do UBND thành phố VT cấp ngày 12/12/2012.

Tài sản này trước đây thuộc quyền sử dụng của anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1, trong quá trình anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1 đang phải thi hành án đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 mà không thực hiện nghĩa vụ thi hành án; ngày 18/8/2011, Chi cục THADS thành phố VT đã có văn bản về việc không cho chuyển dịch một số tài sản của anh Dương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kiều D1, trong đó có thửa đất nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ hủy GCNQSDĐ mang tên ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật, Cục THADS tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án tỉnh Phú Thọ giải quyết theo luật định.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (do anh Hồ Văn P là đại diện) yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 617829 của Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ cấp cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 ngày 12/12/2012.

+ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với ông Hồ Văn Đ1 khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 617829 ngày 12/12/2012 của UBND thành phố VT cấp cho vợ chồng ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/9/2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có văn bản gửi Hội đồng xét xử trình bày quan điểm của mình; đồng thời, giữ nguyên nội D1 kháng cáo và

xin được xét xử vắng mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng giữa ông P, bà T1 với anh T, chị D1 là quan hệ tặng cho tài sản nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án chứ không phải quan hệ đổi nhà đất vì thủ tục để UBND thành phố VT làm căn cứ cấp GCNQSDĐ cho ông P, bà T1 là căn cứ hợp đồng tặng cho tài sản ngày 12/9/2012 lập tại Văn phòng công chứng thành phố VT. Đồng thời, cơ quan thi hành án đã có văn bản về việc không cho chuyển dịch tài sản gửi cơ quan có liên quan là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT là hoàn toàn đúng với Luật thi hành án dân sự và Điều 24 Nghị định số 62 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

- Ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 trình bày:

Quan hệ dân sự đổi nhà đất giữa ông bà với vợ chồng anh T, chị D1 được thực hiện trước khi vợ chồng anh T, chị D1 vay nợ mọi người; mục đích của việc đổi nhà đất là tạo điều kiện cho vợ chồng anh T, chị D1 làm kinh tế, thời điểm đổi nhà đất thì giá trị nhà đất của ông bà cao hơn gấp nhiều lần giá trị nhà đất của anh T, chị D1. Đến nay, diện tích nhà đất đứng tên ông bà đã được gộp lại với thửa đất khác sau đó lại được chia tách thành 03 thửa đất khác nhau và đều đã được cấp 03 GCNQSDĐ khác nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy việc đổi nhà đất giữa các bên được thực hiện từ năm 2008, căn nhà có giá trị hơn của ông P, bà T1 cũng đã được bán đấu giá trả nợ ngân hàng và nộp cho cơ quan thi hành án để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Đến nay, GCNQSDĐ số BL 617829 cũng đã được thu hồi, hủy bỏ và diện tích nhà đất theo GCNQSDĐ đã nêu cũng đã được nhập vào thửa đất khác sau đó được chia tách thành 03 thửa và đều được cấp GCNQSDĐ khác nhau. Đồng thời, tại nhà đất này hiện nay ông P đang thờ phụng mẹ đẻ của ông là Mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

+ Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã nhập hai vụ án làm một vì có cùng một quyết định hành chính. Tuy nhiên ông Hồ Văn Đ1 đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Đ1 là đúng.

+ Ngày 12/12/2012, UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (do ông P, bà T1 nhận tặng cho từ anh Dương Thanh Thủy, chị Nguyễn Thị Kiều D1).

Theo bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật thì vợ chồng anh Thủy, chị D1 phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền: 340.000.000 đ. Năm 2011, Chi cục THADS thành phố VT có văn bản số 452/CV-THA về việc không cho chuyển dịch tài sản của anh Thủy, chị D1 trong đó có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m². Ngày 12/12/2012, UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 nhưng bà Nguyễn Thị L không biết. Đến tháng 5/2020, bà L biết việc cấp GCNQSDĐ cho ông P, bà T1 nên bà L đã khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ huỷ GCNQSDĐ số BL 617829 do UBND thành phố VT cấp cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và đưa vụ án ra xét xử vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

+ Năm 2008, vợ chồng ông Dương Hữu P, bà Đặng Thị T1 có thửa đất số 88, tờ bản đồ số 17, diện tích 80,9 m² tại khu 8 mặt Đ1 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ và ông P, bà T1 đã làm thủ tục cho vợ chồng anh T, chị D1 theo quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 03/3/2008 của UBND thành phố VT.

+ Tại Biên bản thỏa thuận ngày 18/01/2008, ông Dương Hữu P, bà Đặng Thị T1 thỏa thuận với vợ chồng anh Dương Thanh Thủy, chị Nguyễn Thị Kiều D1 về việc đổi nhà, đất như sau: Ông P, bà T1 chuyển đến sinh sống ở nhà, đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; giao lại cho anh T, chị D1 nhà, đất tại thửa số 88, tờ bản đồ số 17, diện tích 80,9 m² tại khu 8 mặt Đ1 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Ngay sau khi lập biên bản thỏa thuận, ông P, bà T1 đã chuyển đến ở tại nhà, đất thửa số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ và sinh sống ổn định không tranh chấp với ai từ đó cho đến nay; vấn đề này được khu dân cư, UBND phường GC xác nhận. Ông P, bà T1 cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nhà đất hàng năm đối với Nhà nước thể hiện tại các biên lai nộp thuế từ năm 2009 đến 2017. Như vậy, khẳng định trên thực tế ông P, bà T1 là người quản lý sử dụng nhà đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ từ năm 2008 đến nay.

[2.1]. Sau khi ông P, bà T1 và anh T, chị D1 thỏa thuận đổi nhà đất thì ông P, bà T1 đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh T, chị D1. Anh T, chị D1 đã được UBND thành phố VT cấp GCNQĐĐ số AK 050257 ngày

03/3/2008. Khi thoả thuận đổi nhà đất thì quyền sử dụng nhà đất của anh T, chị D1 đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Thanh Miếu nên không thể làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho ông P, bà T1 được. Vấn đề này anh T, chị D1 cũng đã cam kết sẽ thực hiện ngay thủ tục chuyển quyền cho ông P, bà T1 khi anh chị trả nợ cho ngân hàng để giải chấp đối với nhà đất thế chấp và lấy lại GCNQSDĐ. Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ và xác định năm 2007 anh T, chị D1 có thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thanh Miếu chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ.

[2.2]. Giá trị tài sản mà ông P, bà T1 đổi cho anh T, chị D1 lớn hơn nhiều so với giá trị nhà đất của anh T, chị D1. Thực tế khi anh T, chị D1 không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng đã bán đấu giá tài sản của anh Thủy, chị D1 (tài sản mà ông P, bà T1 đổi cho anh Thủy, chị D1) với số tiền là 3.775.000.000 đ. Như vậy, có thể thấy việc đổi nhà giữa ông P, bà T1 với anh T, chị D1 là hoàn toàn vô tư khách quan không nhằm mục đích tẩu tán tài sản. Giá trị tài sản bán đấu giá sau khi trả nợ cho ngân hàng còn lại 400.000.000 đ, ngân hàng đã bàn giao số tiền này cho Chi cục THADS thành phố VT để thi hành án do Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố VT nhận. Như vậy, tài sản nhà, đất ông P, bà T1 đổi cho anh T, chị D1 đã được bán đấu giá để trả nợ trong đó có 400.000.000 đ để thi hành bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật của Toà án.

[2.3]. Văn bản số 542/CV-THA ngày 18/8/2011 và quyết định số 61/QĐ-THA ngày 11/8/2011 của Chi cục THADS thành phố VT về việc không cho chuyển dịch tài sản và cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất của ông Thủy, chị D1 trong đó có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 27, diện tích 103,4 m² địa chỉ số nhà 12B, ngõ 2121, tổ 20B, khu 17, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ trong khi nhà đất đang được thế chấp tại ngân hàng và thực tế tài sản nhà đất đã được đổi cho ông P, bà T1 từ năm 2008 nên việc cơ quan thi hành án tiến hành ngăn chặn đối với tài sản này là không phù hợp. Từ các phân tích trên thấy việc UBND thành phố VT cấp GCNQSDĐ số BL 617829 cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 là đảm bảo quyền lợi ích của công dân và đúng theo quy định pháp luật. Việc bố con ông P chuyển đổi đất, nhà cho nhau từ năm 2008; đồng thời, tại thời điểm khởi kiện thì GCNQSDĐ nêu trên đã bị UBND thành phố VT thu hồi, thửa đất nêu trên đã được nhập sau đó tách thành 3 thửa đất mang tên ông Dương Hữu P và đều đã được cấp GCNQSDĐ khác nhau. Đồng thời, tại nhà đất này hiện nay ông P đang thờ phụng mẹ đẻ của ông là Mẹ Việt Nam anh hùng. Vì vậy, không thể chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu huỷ GCNQSDĐ không còn tồn tại số BL 617829 do UBND thành phố VT cấp cho ông Dương Hữu P và bà Đặng Thị T1 ngày 12/12/2012.

Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của bà L do anh Hồ Văn P đại diện là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của bà L do ông Hồ Văn P đại diện không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L do anh Hồ Văn P là đại diện theo ủy quyền.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đ. Xác nhận bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm 300.000 đ (do anh Hồ Văn P nộp thay) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0004258 ngày 30/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn